TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS - PT

Ngày 07 - 9 - 2018

V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quyết Thắng

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Bà Trần Thị Khánh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự số 01/2018/DS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai bị nguyên đơn anh Châu A S kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐ-PT ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Châu A S

Địa chỉ: Thôn C I, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Châu A P

Địa chỉ: Thôn C II, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai, (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Giàng Thị S

Địa chỉ: Thôn C II, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai, (có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Châu A S, (có mặt).

5. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Vàng A Dế

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Châu A S trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của ông Châu A S để lại cho ông Châu A T, sau khi ông T chết để lại cho ông Châu A C (là bố đẻ của Châu A S) trước lúc chết ông T có nói là để lô đất này cho ông C sử dụng và chỉ nói miệng không có giấy tờ gì, do ông C không sử dụng đến nên cho ông K (là em chú của ông C) mượn để trồng ngô, ông K hứa sau này Châu A S lớn sẽ trả lại và cũng chỉ nói miệng không có giấy tờ gì. Năm 2001 ông C chết, trước lúc chết có nói lô đất hiện tại ông K đang sử dụng sẽ giao cho Châu A S quản lý và sử dụng, nhưng do Sang còn đang đi học nên vẫn cho chú K mượn. Năm 2013 ông P đến phá chuồng trâu, cây màu của ông K để đào ruộng. Năm 2015 Châu A S đi học về thì thấy lô đất bị đào ruộng và phá hết cây ăn quả, chuồng trâu mà chú K trồng và dựng lên. Diện tích đất khoảng 1.700m^2, trong đó ông P đã đào ruộng 800m^2, diện tích đất còn lại 900m^2 ông P không cho Châu A S sử dụng, vì vậy Châu A S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả lại phần đất diện tích 800m^2 mà ông P đang sử dụng và yêu cầu ông P không được lấn chiếm, ngăn cản Châu A S sử dụng số diện tích đất còn lại là 900m^2 tại km 26,5 Thôn C I – Xã T.

Bị đơn ông Châu A P trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông P, từ năm 1960 bố, mẹ ông P là Châu A L và Thào Thị M đã khai phá để trồng lúa nương và ngô. Đến năm 1982 ông P lấy vợ, năm 1985 ra ở riêng, bố mẹ đã cho ông P diện tích đất đó để canh tác, vợ chồng ông tiếp tục canh tác liên tục trên diện tích đất này. Năm 2004 Quốc lộ 4D được mở rộng, nâng cấp đổ nhựa lại mặt đường có lấy một phần đất của gia đình để san lấp, đổ đất vào khu ruộng phía dưới đường của nhà ông P (bên ta luy âm) nên gia đình ông P được hơn 5 triệu đồng tiền đền bù do ban quản lý dự án chi trả. Về diện tích đất ruộng là bao nhiêu ông P không biết, lúc khai phá thì lựa theo thế đất để đào, cấy được bao nhiêu thì được. Toàn bộ diện tích đất này hàng năm ông P vẫn cấy lúa và sử dụng liên tục cho đến nay, anh Châu A S đến tranh chấp và khởi kiện ông P không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị S trình bày:

Bà Giàng Thị S lấy ông Châu A P năm 1982, đến năm 1985 thì vợ chồng ra

ở riêng và được bố mẹ chia cho một khu đất gồm 2 phần, một phần trên đường, một phần dưới đường (ta luy âm) tại km 26,5 đường quốc lộ 4D từ Lào Cai đi Sa Pa. Năm 2016 Châu A S đến tranh chấp phần đất phía ta luy âm của vợ chồng ông P, diện tích đất tranh chấp gồm 10 thửa ruộng, hàng năm vợ chồng ông P vẫn canh tác trồng lúa trên diện tích đất đó và chưa chia cho ai, các con ông P và bà Sung không có quyền lợi gì đối với diện tích đất trên. Nay Châu A S đến tranh chấp, do không biết chữ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên bà Sung ủy quyền cho Phử toàn quyền quyết định và tham gia tố tụng tại Tòa án đến khi kết thúc vụ án.

Bản án số 01/2018/DS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166; 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 2 Điều 203 – Luật đất đai năm 2013; Khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Châu A S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu A P phải trả lại diện tích đất đang tranh chấp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/6/2018, nguyên đơn anh Châu A S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của TAND huyện S, tỉnh Lào Cai và buộc ông Châu A P trả lại toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp cho anh Châu A S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Châu A S thay đổi một phần yều cầu khởi kiện là nhất trí để ông Châu A P sử dụng 800 m^2 đất ruộng, trả lại cho anh Sang quyền sử dụng 900m^2 đất còn lại và không được có hành vi cản trở trái pháp luật khi anh Sang sử dụng đất. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sư. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai. Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng để làm rõ về nguồn gốc đất tranh chấp giữa anh Châu A S và ông Châu A P. Đối với lời khai của những người làm chứng bà Giàng Thị X (mẹ của anh Châu A S), ông Châu A K (chú ruột của anh Châu A S), ông Châu A S1, Châu A P, Châu A S2 (đều là những người có quan hệ họ hàng với anh Châu A S và chị Lý Thị M – vợ của anh S) đều khai nguồn gốc đất tranh chấp là của các cụ Châu A S để lại, sau đó bố của Châu A S có cho em chú là ông Châu A K mượn để sử dụng. Việc cho ông K mượn đất vào thời gian nào, diện tích đất là bao nhiêu thì những người làm chứng đều không nắm được. Tuy nhiên, xét thấy những người làm chứng đều có quan hệ ruột thịt, họ hàng với nguyên đơn anh Châu A S nên lời khai của những người làm chứng này là không hoàn toàn khách quan.

Ngoài ra có lời khai của người làm chứng là bà Cư Thị S, ông Châu A T là những người cao tuổi đã sinh ra và lớn lên tại xã khẳng định đất là do các cụ của Châu A S khai phá nhưng việc khai phá, sử dụng từ năm nào thì những người làm chứng không biết. Vì vậy lời khai của bà S, ông T không đủ căn cứ để xác định nguồn gốc đất tranh chấp là do các cụ, ông của nguyên đơn anh Châu A S khai phá, để lại cho con cháu quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2018 của những người làm chứng là ông Châu A S4 và ông Châu A M là những người trước đây đã từng làm Chủ tịch UBND xã T từ những năm 1970 đến 2003 và không có quan hệ họ hàng gì với cả nguyên đơn và bị đơn, cả ông S4 và ông M đều xác nhận nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông cha nhà ông P để lại, ông P đã canh tác đào ruộng, cấy lúa, trồng ngô trên diện tích này từ rất lâu đến nay. Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 09/02/2018 do UBND xã T thực hiện (kèm theo Công văn số 57/UBND-TNMT ngày 25/12/2017) trong đó có ý kiến của một số hộ dân sinh sống lâu năm tại thôn Chu Lìn, xã T là ông Châu A P1, ông Châu A C đều khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Châu A L (bố đẻ của ông P) khai hoang và để lại cho ông P canh tác từ năm 1985 đến nay. Xét thấy những người làm chứng trên đều không có quan hệ họ hàng gì với cả nguyên đơn và bị đơn, là những người cao tuổi đã sinh sống lâu lắm tại khu vực có đất tranh chấp. Vì vậy, lời khai của những người làm chứng là khách quan, đủ cơ sở làm căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bố của ông Châu A P khai hoang, sau đó để lại cho ông P canh tác, sử dụng.

[2] Về quá trình sử dụng đất:

Nguyên đơn anh Châu A S cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là do ông C khai hoang sau đó để lại cho ông nội Châu A T, sau khi ông T qua đời để lại cho ông Châu A C (bố đẻ của Sang). Năm 2001 ông Châu A C chết, trước khi chết có nói là đất hiện tại do chú K đang sử dụng, sau này sẽ giao cho anh Châu A S quản lý, sử dụng. Ông Châu A K khai rằng có mượn đất để canh tác của ông Châu A C nhưng không nhớ mượn đất thời gian nào, diện tích là bao nhiêu. Ngoài những chứng cứ là lời khai của những người làm chứng như trên ra thì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh quá trình sử dụng đất của gia đình mình, bản thân Sang cũng chưa báo giờ trực tiếp canh tác, sử dụng diện tích đang tranh chấp.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Châu A S:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn anh Châu A S không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc anh Sang có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh Châu A S đề nghị Tòa án lấy lời khai của một số người làm chứng khác để chứng minh nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của gia đình anh Châu A S. Tuy nhiên lời khai của người làm chứng (bà Giàng Thị S, bà Giàng Thị P, anh Châu A T, ông Châu A C, ông Châu A C1) đều không hoàn toàn khách quan và không có đủ cở sở chứng minh anh Châu A S có quyền sử dụng đối với diện tích đất đang tranh chấp. Ngoài ra, anh Châu A S không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cho nôi dung kháng cáo của mình là có căn cứ.

Từ những phân tích trên thấy rằng Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Châu A S là có căn cứ. Vì vậy, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Châu A S, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo Nguyên đơn anh Châu A S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Châu A S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ vào Điều 166; 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Châu A S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu A P phải trả lại diện tích đất đang tranh chấp.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Anh Châu A S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0000721 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Anh Châu A S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Anh Châu A S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0000805 ngày 02/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Anh Châu A S đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu TA, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quyết Thắng